CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng điện Vneco 12

Ngày 30/06/2025	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	4.0%	32.2%

DT thuần
Q2/25
1.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.17| -70.7%
YoY: ▼11.3| -89.6%

LN thuần
Q2/25
-0.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -19.3%
YoY: ▼0.88| -2923%

LN sau thuế
Q2/25
-0.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -19.3%
YoY: ▼0.87| -4335%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-11.7%
YoY: +/-▼ 7.0%

ROE (TTM)
Q2/25
-13.4%
YoY: +/-▼ 8.0%

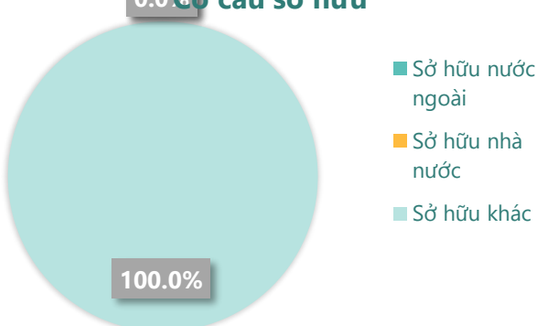
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9
Số lượng CPLH (CP)	1,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,230
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.45
EPS	-1,231
P/E	-6.3

DT thuần
6T 2025
5.79
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.4| -71.3%

LN thuần
6T 2025
-1.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.63| -1964%

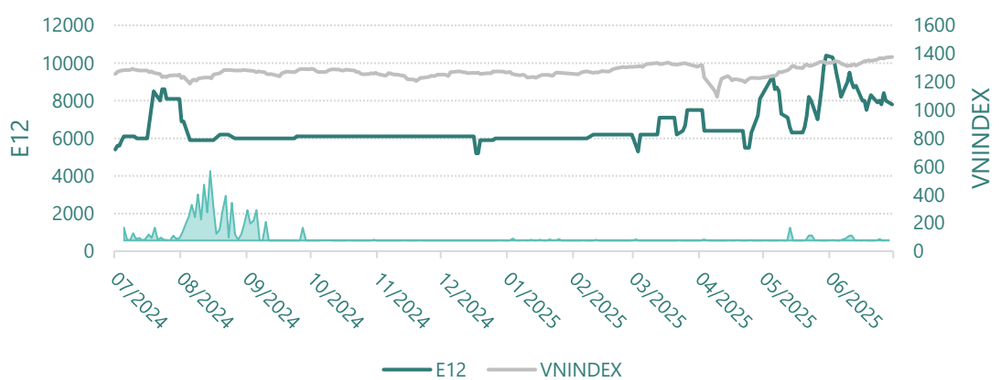
LN sau thuế
6T 2025
-1.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.61| -2610%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



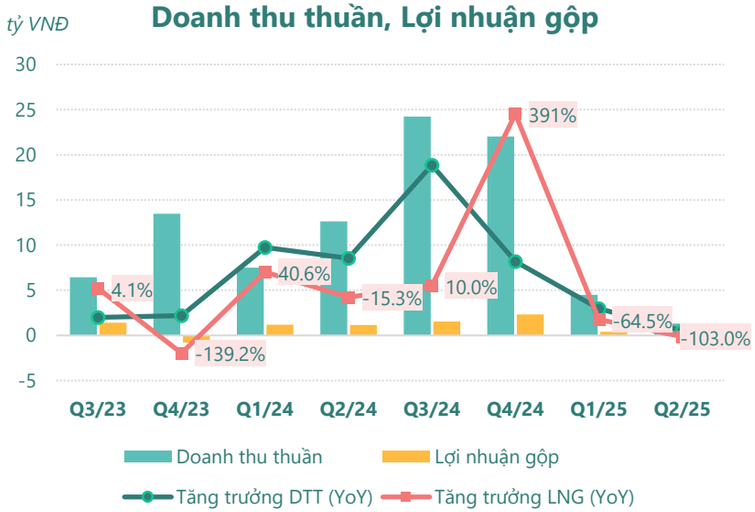
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

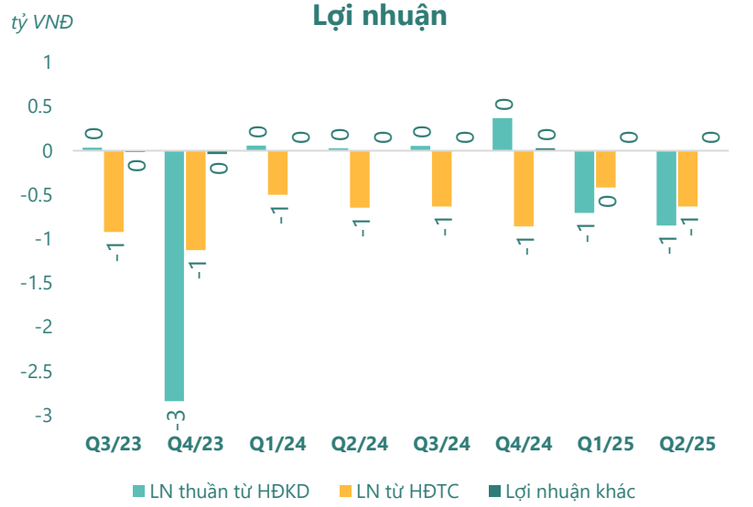
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



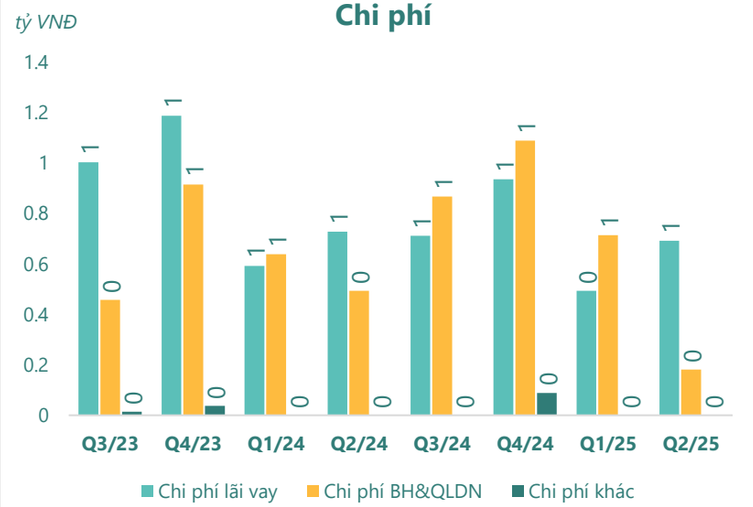
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



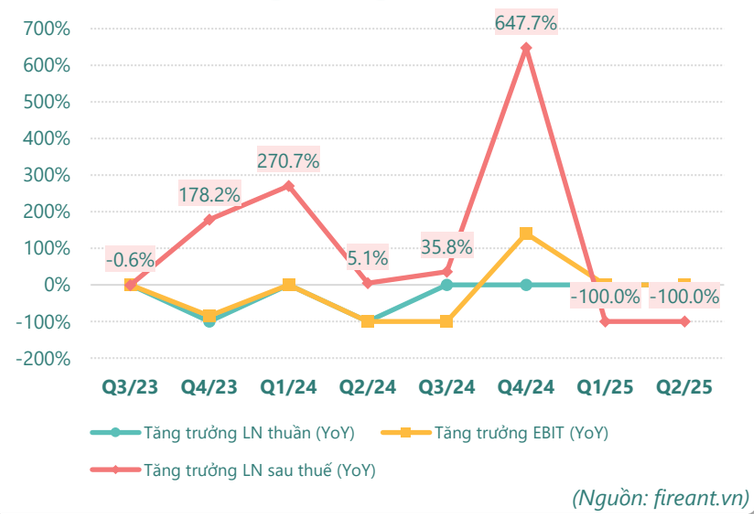
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



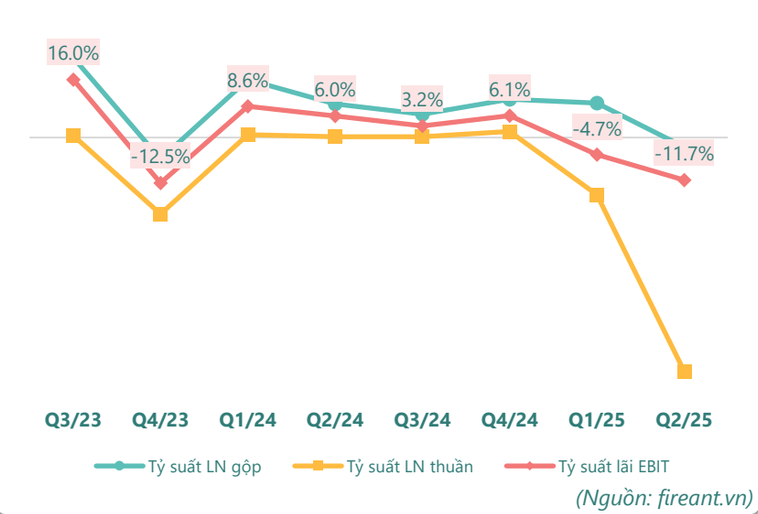
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



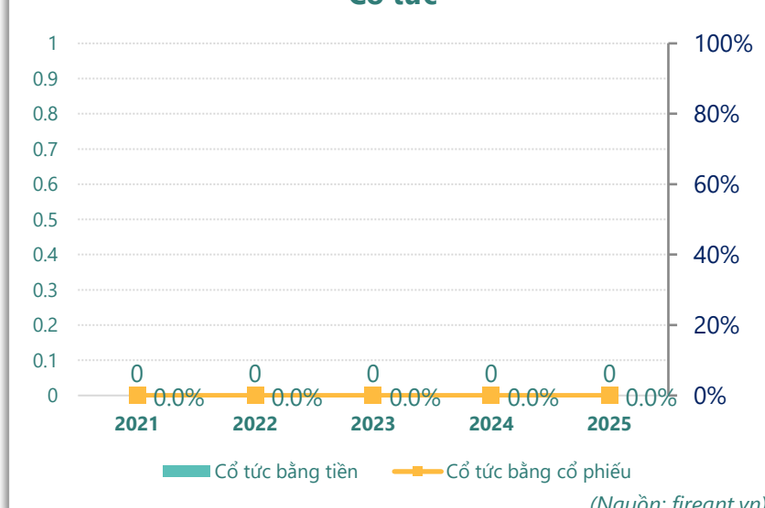
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

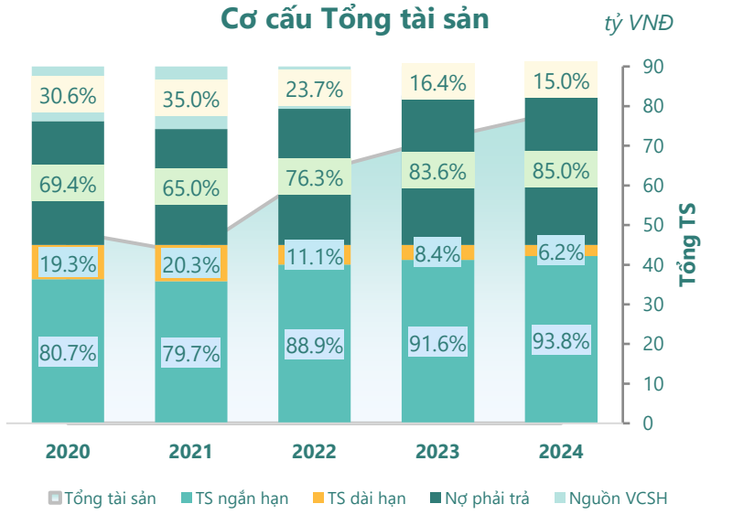
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

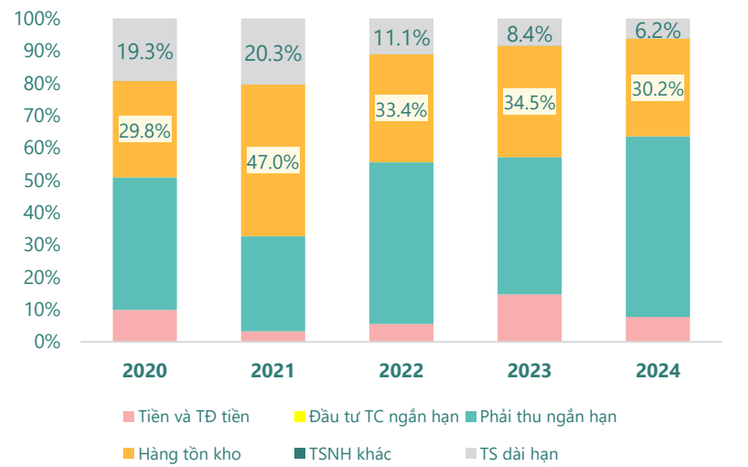
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



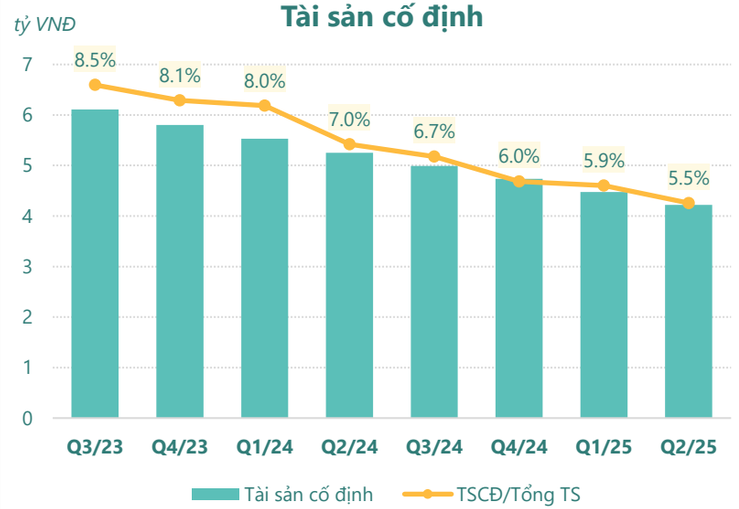
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



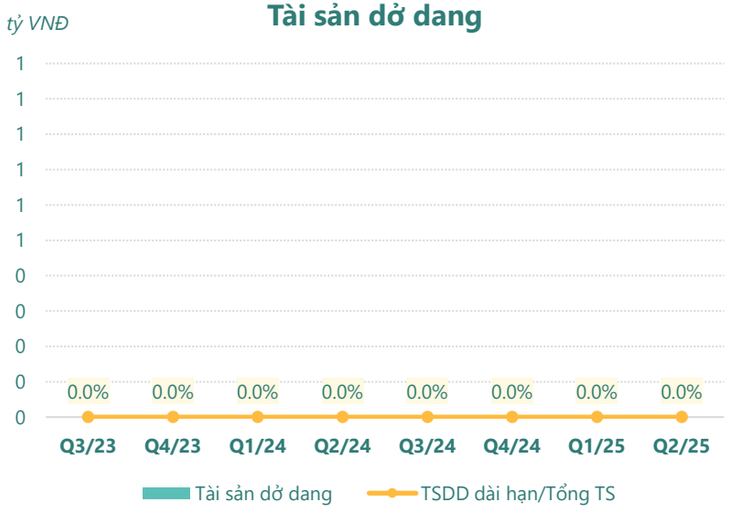
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



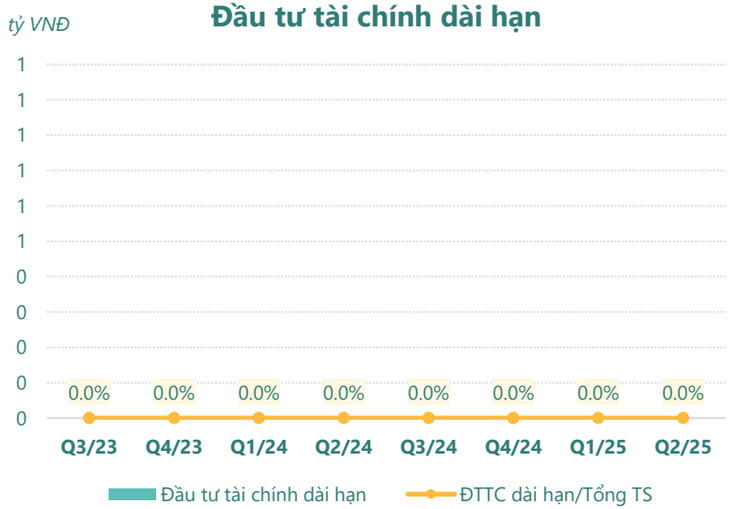
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



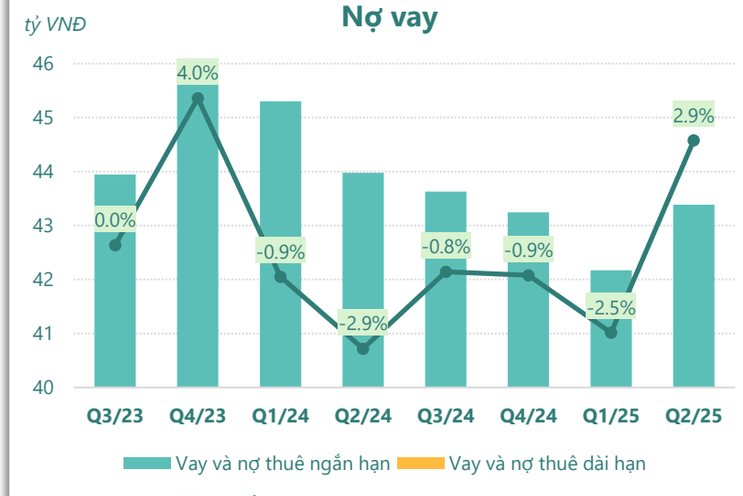
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

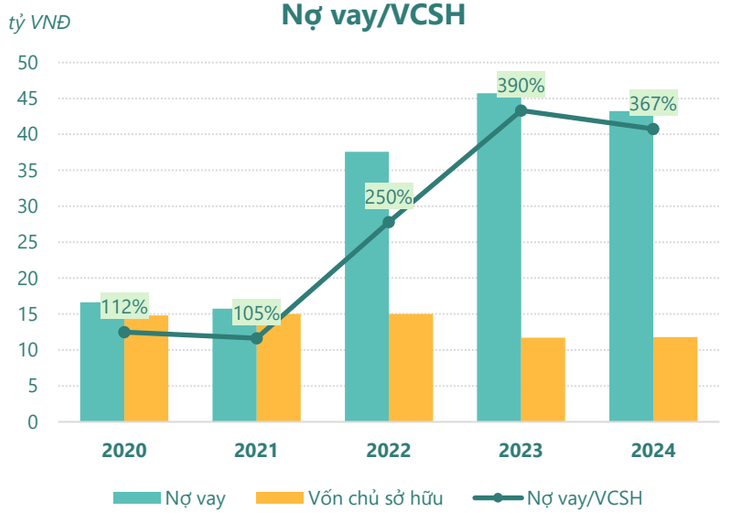
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

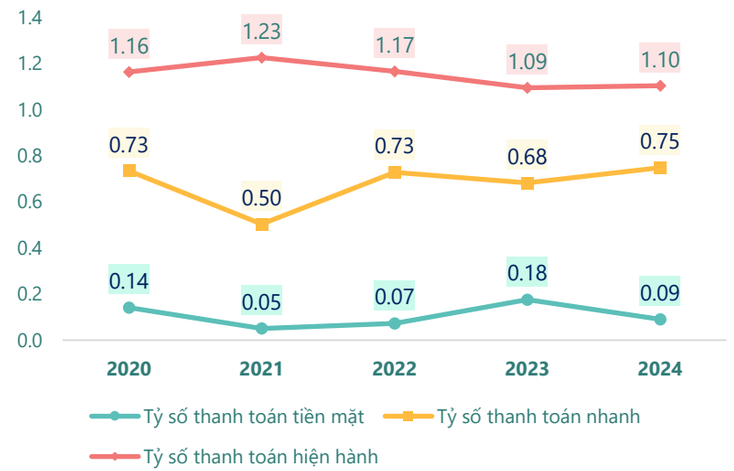
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



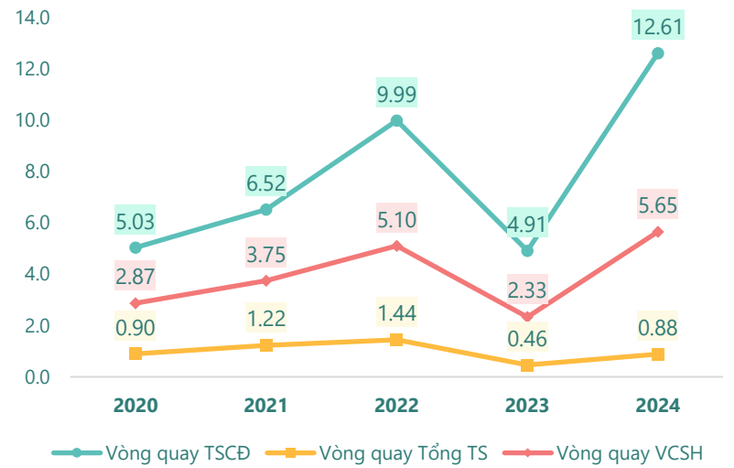
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



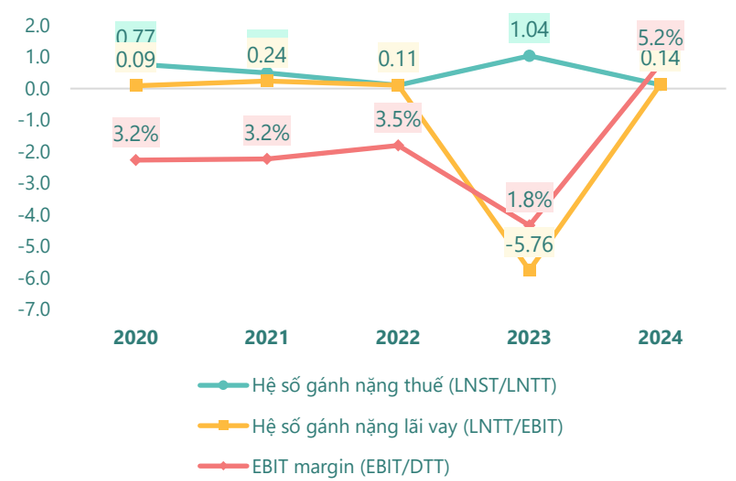
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



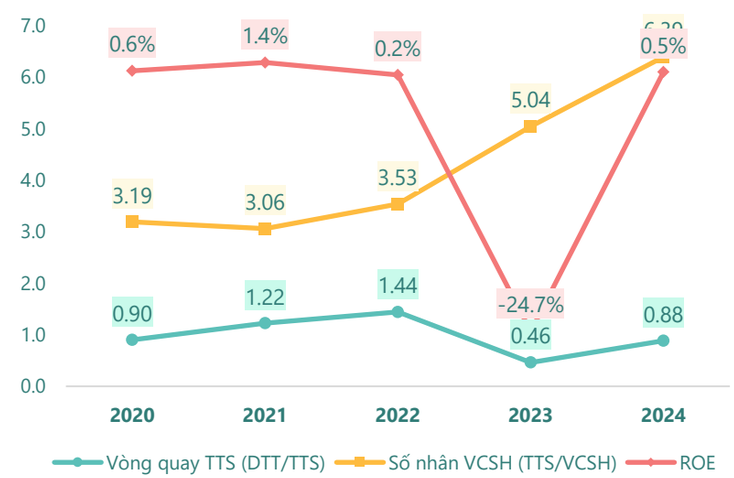
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



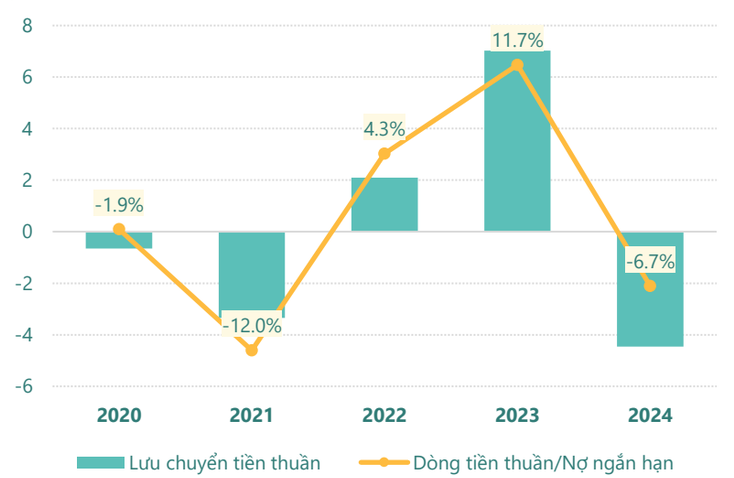
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.31**	**12.6**	**-89.6%**	**5.79**	**20.2**	**-71.3%**
Giá vốn hàng bán	1.35	11.5	-88.3%	5.40	17.8	-69.6%
Lợi nhuận gộp	-0.03	1.17	-103%	0.39	2.36	-83.5%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.08	-23.1%	0.14	0.17	-19.6%
Chi phí TC	0.69	0.73	-5.1%	1.19	1.32	-10.2%
Chi phí lãi vay	0.69	0.73	-5.1%	1.19	1.32	-10.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.08	-100%	0.16	0.09	93.4%
Chi phí QLDN	**0.18**	**0.41**	**-55.9%**	**0.73**	**1.05**	**-30.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.85	0.03	-2923%	-1.55	0.08	-1964%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	-0.85	0.03	-2923%	-1.55	0.08	-1964%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.85**	**0.02**	**-4335%**	**-1.55**	**0.06**	**-2610%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.85**	**0.02**	**-4335%**	**-1.55**	**0.06**	**-2610%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.40	-1.29	0.07	1.68	1.54	-2.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	0.02	0.20	-0.15	0.02	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.42	-1.32	-0.35	-0.39	-1.07	1.21
Tiền đầu kỳ	10.5	11.5	8.95	8.87	6.07	6.56
Lưu chuyển tiền thuần	**1.01**	**-2.59**	**-0.08**	**1.14**	**0.49**	**-1.34**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.5	8.95	8.87	10.0	6.56	5.22

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**77.1**	**78.7**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	72.7	73.8	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	5.22	6.07	-14.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.1	43.9	-8.7%
Hàng tồn kho	27.3	23.7	15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	-9.1%
Tài sản dài hạn	**4.39**	**4.87**	**-10.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.22	4.73	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.17**	**0.14**	**21.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	66.8	66.9	0.0%
Nợ ngắn hạn	**66.8**	**66.9**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.4	43.2	0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.6	12.4	18.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10.2**	**11.8**	**-13.2%**
Vốn chủ sở hữu	**10.2**	**11.8**	**-13.2%**
Vốn điều lệ	12.0	12.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)